

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

*Báo cáo tài chính*  
*cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013*  
*đã được soát xét*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

---

## MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	04 - 06
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	07
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	08 - 09
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i>	10
<i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	11 - 27

35  
C  
CH  
CH  
CH  
VÀ  
NA  
7-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013.

### KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi lần 1 vào ngày 22 tháng 12 năm 2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21 tháng 8 năm 2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 6 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 3 năm 2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty là **58.619.400.000** đồng.

Hoạt động đăng ký của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán. Tư vấn đầu tư chứng khoán. Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT TRONG KỲ VÀ ĐẾN NGÀY LẬP BÁO CÁO NÀY NHƯ SAU:

#### *Hội đồng quản trị*

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Như Hùng	Phó chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thọ	Thành viên
Ông Lê Đức Thắng	Thành viên (bổ nhiệm từ 26 tháng 6 năm 2013)

#### *Ban Tổng Giám đốc*

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Giám đốc khối tư vấn tài chính doanh nghiệp
Bà Nguyễn Thị Giáng Hương	Giám đốc khối Tài chính Kế toán – Hành chính nhân sự
Ông Võ Thanh Hải	Giám đốc khối Công nghệ thông tin
Bà Trương Thị Minh Thọ	Giám đốc Khối Kinh doanh chứng khoán



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban kiểm soát

Ông Lê Thành Trung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên
Bà Đỗ Bích Ngọc	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Hùng  
Tổng Giám đốc

*Nguyễn Quốc Hùng*

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013





Số: 291.../BCSX/TC

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được lập ngày 12 tháng 08 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 kèm theo được trình bày từ trang 4 đến trang 27.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**



**Nguyễn Minh Tiến**

Chứng nhận ĐKHN số: 0547-2013-152-1

**Kiểm toán viên**

**Lê Hồng Đào**

Chứng nhận ĐKHN số: 1732-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	<b>100</b>		<b>66.537.892.107</b>	<b>68.380.433.057</b>
<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>25.669.885.538</b>	<b>22.922.305.717</b>
1. Tiền	111		25.669.885.538	20.172.305.717
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.750.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.3	<b>30.428.876.600</b>	<b>33.849.815.300</b>
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121		35.739.604.068	40.843.901.060
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.310.727.468)	(6.994.085.760)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.194.281.846</b>	<b>11.326.953.399</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	9.590.492.085	10.778.596.285
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	30.800.000	30.800.000
3. Phải thu khác	138	V.4	604.489.761	549.057.114
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.4	(31.500.000)	(31.500.000)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>244.848.123</b>	<b>281.358.641</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	223.979.688	256.242.650
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.6	20.868.435	25.115.991
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.672.892.034</b>	<b>9.569.047.548</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.332.508.528</b>	<b>2.852.990.491</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.745.877.532	2.151.368.107
- Nguyên giá	222		7.197.182.565	7.177.182.565
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.451.305.033)	(5.025.814.458)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	586.630.996	701.622.384
- Nguyên giá	228		1.660.825.000	1.660.825.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.074.194.004)	(959.202.616)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.340.383.506</b>	<b>6.716.057.057</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	888.217.341	1.227.144.391
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	4.050.378.341	4.050.378.341
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.11	1.315.445.694	1.186.811.024
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	86.342.130	251.723.301
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>75.210.784.141</b>	<b>77.949.480.605</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013***Đơn vị tính: VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>24.396.879.312</b>	<b>25.729.129.474</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.396.879.312</b>	<b>25.729.129.474</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	8.400.000.000	8.400.000.000
2. Phải trả người bán	312		372.156.000	1.007.140.055
3. Người mua trả tiền trước	313		50.000.000	53.670.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	4.796.096	6.939.947
5. Chi phí phải trả	316	V.15	761.820.362	387.310.495
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	14.783.114.730	15.849.076.853
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		24.992.124	24.992.124
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>50.813.904.829</b>	<b>52.220.351.131</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>50.813.904.829</b>	<b>52.220.351.131</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		58.619.400.000	58.619.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.779.850.000	1.779.850.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		808.893.187	808.893.187
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(10.394.238.358)	(8.987.792.056)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>75.210.784.141</b>	<b>77.949.480.605</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013**

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	30/06/2013	01/01/2013
1. Chứng khoán lưu ký	006	370.466.470.000	375.129.380.000
Trong đó:			
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	359.917.120.000	362.496.150.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	359.842.670.000	362.423.500.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	74.450.000	72.650.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	2.123.570.000	2.176.870.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	2.123.570.000	2.176.870.000
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	027	6.677.400.000	8.625.700.000
1.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	6.677.400.000	8.625.700.000
1.4. Chứng khoán chờ giao dịch	037	1.748.380.000	1.830.660.000
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	1.748.380.000	1.830.660.000
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	10.706.660.000	8.142.850.000
Trong đó:			
2.1. Chứng khoán giao dịch	051	10.277.860.000	8.142.850.000
2.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	10.276.860.000	8.141.850.000
2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	1.000.000	1.000.000
2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	428.800.000	-
2.1.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	428.800.000	-



**Vũ Thúy Anh**  
**Kế toán trưởng**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2013



**Nguyễn Quốc Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận  
Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
<b>1. Doanh thu</b>	01		<b>4.558.923.095</b>	<b>5.640.650.480</b>
Trong đó:				
- DT hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.250.315.000	2.036.960.277
- DT hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		6.000	138.330.000
- DT bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- DT đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- DT hoạt động tư vấn	01.5		419.090.909	338.500.000
- DT lưu ký chứng khoán	01.6		12.707.287	-
- DT hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
- DT cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- DT khác	01.9	VI.1	1.876.803.899	3.126.860.203
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>4.558.923.095</b>	<b>5.640.650.480</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	3.534.162.206	4.359.291.703
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.024.760.889</b>	<b>1.281.358.777</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	2.431.207.191	2.854.174.799
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(1.406.446.302)</b>	<b>(1.572.816.022)</b>
8. Thu nhập khác	31		-	79.480
9. Chi phí khác	32		-	-
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		-	<b>79.480</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(1.406.446.302)</b>	<b>(1.572.736.542)</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.4	-	(358.601.636)
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(1.406.446.302)</b>	<b>(1.214.134.906)</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.5	<b>(240)</b>	<b>(207)</b>



Vũ Thúy Anh

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2013



Nguyễn Quốc Hùng

Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp trực tiếp)  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		541.193.000	1.955.619.044
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(1.853.467.395)	(1.387.877.312)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		221.753.201.408	203.313.668.522
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(241.115.832.631)	(201.286.177.489)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(1.155.869.691)	(1.886.449.463)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11		(2.386.168.013)	(2.554.962.003)
10. Tiền chi trả lãi vay	12		(13.820.889)	(1.082.937.500)
11. Tiền thu khác	14		30.193.704.717	10.781.219.715
12. Tiền chi khác	15		(5.218.921.727)	(3.740.783.961)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>744.018.779</b>	<b>4.111.319.553</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.000.000)	(549.365.000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(15.518.400.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.515.000.000	11.518.400.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		508.561.042	892.208.400
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.003.561.042</b>	<b>(3.657.156.600)</b>

Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận  
Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (tiếp theo)  
(theo phương pháp trực tiếp)  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.250.000.000	3.800.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.250.000.000)	(3.800.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>2.747.579.821</b>	<b>454.162.953</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	22.922.305.717	26.819.317.373
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	25.669.885.538	27.273.480.326



Vũ Thúy Anh

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2013



Nguyễn Quốc Hùng

Tổng Giám đốc



Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối kỳ	
	Năm trước	Năm nay	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.619.400.000	58.619.400.000	-	-	-	-	58.619.400.000
	- Công ty TNHH CNTT và TT Tân Thanh Hoa	1.150.000.000	1.150.000.000	-	-	-	-	1.150.000.000
	- Ông Lê Thành Trung	5.750.000.000	5.750.000.000	-	-	-	-	5.750.000.000
	- Bà Vũ Thúy Anh	5.428.000.000	5.428.000.000	-	-	-	-	5.428.000.000
	- Cổ đông khác	46.291.400.000	46.291.400.000	-	-	-	-	46.291.400.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.779.850.000	1.779.850.000	-	-	-	-	1.779.850.000
3	Quỹ Dự phòng tài chính	808.893.187	808.893.187	-	-	-	-	808.893.187
4	LN chưa phân phối	(4.529.165.507)	(8.987.792.056)	-	(1.214.134.906)	-	(1.406.446.302)	(5.743.300.413)
	- Kết quả kinh doanh trong năm			-	(1.214.134.906)	-	(1.406.446.302)	
	- Phân phối LN trong năm			-	-	-	-	
	Cộng	56.678.977.680	52.220.351.131	-	(1.214.134.906)	-	(1.406.446.302)	50.813.904.829



Vũ Thúy Anh

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2013




Nguyễn Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi lần 1 vào ngày 22 tháng 12 năm 2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21 tháng 8 năm 2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 6 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 3 năm 2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 6 năm 2008 là **58.619.400.000** đồng.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Chứng khoán.

**3. Ngành nghề kinh doanh:** Môi giới chứng khoán. Tư vấn đầu tư chứng khoán. Lưu ký chứng khoán.

**4. Tổng số nhân viên:** 42 người, trong đó 20 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo:

- Quyết định số 15/2003/QĐ-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Giá vốn chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuận và giá trị ghi sổ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****4. Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi, giảm giá chứng khoán và đầu tư tài chính khác**

Dự phòng phải thu khó đòi, giảm giá chứng khoán và đầu tư tài chính khác được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán (chứng khoán tự doanh) được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tối thiểu của ba (03) công ty chứng khoán tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn khác được lập cho từng khoản đầu tư căn cứ vào ước tính khả năng thu hồi của từng khoản đầu tư tài chính so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư tài chính này.

Tăng giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá đầu tư được phản ánh vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Máy móc thiết bị	3	-	8	năm
Phương tiện vận tải			5	năm
Tài sản cố định khác	3	-	8	năm
Phần mềm máy tính			3	năm



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****4. Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi, giảm giá chứng khoán và đầu tư tài chính khác**

Dự phòng phải thu khó đòi, giảm giá chứng khoán và đầu tư tài chính khác được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán (chứng khoán tự doanh) được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tối thiểu của ba (03) công ty chứng khoán tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn khác được lập cho từng khoản đầu tư căn cứ vào ước tính khả năng thu hồi của từng khoản đầu tư tài chính so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư tài chính này.

Tăng giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá đầu tư được phản ánh vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Máy móc thiết bị	3	-	8	năm
Phương tiện vận tải			5	năm
Tài sản cố định khác	3	-	8	năm
Phần mềm máy tính			3	năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí thuê biển hiệu quảng cáo;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí chờ phân bổ khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được phân bổ trong khoảng từ 3 đến 36 tháng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**8. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****10. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**12. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**13. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả trước, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>25.669.885.538</b>	<b>20.172.305.717</b>
Tiền mặt	50.139.707	42.533.171
Tiền gửi ngân hàng	25.619.745.831	20.129.772.546
Trong đó:		
<i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>14.391.430.229</i>	<i>15.285.761.562</i>
<b>Tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>2.750.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>25.669.885.538</b>	<b>22.922.305.717</b>

**2. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ**

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
<b>a) Cửa công ty chứng khoán</b>	<b>127.770</b>	<b>2.184.180.000</b>
- Cổ phiếu	127.770	2.184.180.000
<b>b) Cửa nhà đầu tư</b>	<b>81.957.953</b>	<b>785.314.300.700</b>
- Cổ phiếu	81.957.953	785.314.300.700
<b>Cộng</b>	<b>82.085.723</b>	<b>787.498.480.700</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a. Tình hình đầu tư tài chính**

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>24.504.704.068</b>	<b>27.772.501.060</b>
- Cổ phiếu niêm yết	4.749.374.068	8.017.171.060
- Cổ phiếu chưa niêm yết	19.755.330.000	19.755.330.000
<b>II. Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>11.234.900.000</b>	<b>13.071.400.000</b>
<b>III. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>(5.310.727.468)</b>	<b>(6.994.085.760)</b>
- Cổ phiếu niêm yết	(3.814.205.668)	(5.638.161.760)
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	(1.496.521.800)	(1.355.924.000)
<b>Cộng</b>	<b>30.428.876.600</b>	<b>33.849.815.300</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro**

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng		So với giá thị trường		Đơn vị tính: VND	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>121.338</b>	<b>169.108</b>	<b>4.749.374.068</b>	<b>8.017.171.060</b>	-	-	<b>(3.814.205.668)</b>	<b>(5.638.161.760)</b>	<b>935.168.400</b>	<b>2.379.009.300</b>
1. Cổ phiếu niêm yết										
ANV	80.000	80.000	4.269.382.040	4.269.382.040	-	-	(3.685.382.040)	(3.485.382.040)	584.000.000	784.000.000
NBC	8.333	8.333	171.650.000	171.650.000	-	-	(48.321.600)	(70.820.700)	123.328.400	100.829.300
SHB	33.000	33.000	308.000.000	308.000.000	-	-	(80.300.000)	(113.300.000)	227.700.000	194.700.000
VCB	5	47.775	342.028	3.268.139.020	-	-	(202.028)	(1.968.659.020)	140.000	1.299.480.000
<b>II. Đầu tư ngắn hạn khác</b>			<b>11.234.900.000</b>	<b>13.071.400.000</b>	-	-	<b>(1.496.521.800)</b>	<b>(1.355.924.000)</b>	<b>9.738.378.200</b>	<b>11.715.476.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>121.338</b>	<b>169.108</b>	<b>15.984.274.068</b>	<b>21.088.571.060</b>	-	-	<b>(5.310.727.468)</b>	<b>(6.994.085.760)</b>	<b>10.673.546.600</b>	<b>14.094.485.300</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****4. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Tổng số	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ	Tổng số	Số cuối kỳ		Số dự phòng đã lập
		Số quá hạn	Số khó đòi			Tăng	(Giảm)	
- Phải thu của khách hàng	10.778.596.285	31.500.000	31.500.000	267.462.974.686	9.590.492.085	31.500.000	31.500.000	31.500.000
- Trả trước cho người bán	30.800.000	-	-	-	30.800.000	-	-	-
+ Ngắn hạn	30.800.000	-	-	-	30.800.000	-	-	-
+ Dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	121.959.067	(121.959.067)	-	-	-
- Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khác	549.057.114	-	-	118.345.292	604.489.761	-	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

Chỉ tiêu	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền thuê văn phòng	-	234.236.710
Dịch vụ viễn thông	-	15.192.900
Chi phí chờ phân bổ khác	223.979.688	6.813.040
<b>Cộng</b>	<b>223.979.688</b>	<b>256.242.650</b>

**6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế TNDN nộp thừa	20.868.435	20.868.435
Thuế TNCN nộp thừa	-	4.247.556
<b>Cộng</b>	<b>20.868.435</b>	<b>25.115.991</b>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	4.664.941.900	820.737.000	1.691.503.665	7.177.182.565
Tăng trong kỳ	20.000.000	-	-	20.000.000
Số dư cuối kỳ	4.684.941.900	820.737.000	1.691.503.665	7.197.182.565
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	3.020.052.675	820.737.000	1.185.024.783	5.025.814.458
Khấu hao trong kỳ	308.166.236	-	117.324.339	425.490.575
Số dư cuối kỳ	3.328.218.911	820.737.000	1.302.349.122	5.451.305.033
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	1.644.889.225	-	506.478.882	2.151.368.107
Tại ngày cuối kỳ	1.356.722.989	-	389.154.543	1.745.877.532



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính
	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	1.660.825.000
Tăng trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	1.660.825.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	959.202.616
Khấu hao trong kỳ	114.991.388
Số dư cuối kỳ	1.074.194.004
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu kỳ	701.622.384
Tại ngày cuối kỳ	586.630.996

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng, biển hiệu quảng cáo văn phòng HCM (*)	860.725.584	1.174.461.384
Chi phí chờ phân bổ khác	27.491.757	52.683.007
<b>Cộng</b>	<b>888.217.341</b>	<b>1.227.144.391</b>

(\*) Khoản tiền thuê văn phòng, biển hiệu quảng cáo của văn phòng đại diện của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh phát sinh trong khoảng thời gian trước khi chi nhánh chính thức đi vào hoạt động.

**10. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.050.378.341	2.518.049.224
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ (xem thuyết minh VI.4)	-	358.601.636
Số dư cuối kỳ	4.050.378.341	2.876.650.860

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	895.318.648	895.318.648
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	300.127.046	171.492.376
<b>Cộng</b>	<b>1.315.445.694</b>	<b>1.186.811.024</b>

**12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	76.342.130	241.723.301
Ký quỹ mở thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>86.342.130</b>	<b>251.723.301</b>

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN****a. Tình hình biến động các khoản vay trong kỳ**

Chỉ tiêu	Lãi suất	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
		VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	12,3% - 14,2%/năm	-	5.250.000.000	(5.250.000.000)	-
Vay đối tượng khác	-	8.400.000.000	-	-	8.400.000.000
<b>Cộng</b>		<b>8.400.000.000</b>	<b>5.250.000.000</b>	<b>(5.250.000.000)</b>	<b>8.400.000.000</b>

Các khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay từ 1 đến 6 tháng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)****b. Chi tiết số dư**

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	8.400.000.000	8.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.400.000.000</b>	<b>8.400.000.000</b>

Vay Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục với thời hạn vay 6 tháng, không lãi suất, không có tài sản đảm bảo.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	244.998	6.939.947
Thuế thu nhập cá nhân	4.551.098	-
<b>Cộng</b>	<b>4.796.096</b>	<b>6.939.947</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	279.066.666	279.066.666
Lãi trả nhà đầu tư	31.993.380	27.280.760
Chi phí hoạt động	450.760.316	80.963.069
<b>Cộng</b>	<b>761.820.362</b>	<b>387.310.495</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC**

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư trong nước	14.233.227.901	15.093.967.815
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư nước ngoài	152.309.791	152.309.791
Các khoản phải trả, phải nộp khác	397.577.038	602.799.247
<b>Cộng</b>	<b>14.783.114.730</b>	<b>15.849.076.853</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU KHÁC**

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	224.438.354	678.974.263
Doanh thu hoạt động ký quỹ	563.363.863	580.960.912
Doanh thu khác	1.089.001.682	1.866.925.028
<b>Cộng</b>	<b>1.876.803.899</b>	<b>3.126.860.203</b>

**2. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí môi giới kinh doanh	237.030.256	181.233.852
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (*)	1.638.616.992	488.250.000
Chi phí lưu ký chứng khoán	115.683.253	115.125.589
Chi phí dự phòng	(1.511.758.292)	(905.117.500)
Chi phí khác	3.054.589.997	4.479.799.762
<b>Cộng</b>	<b>3.534.162.206</b>	<b>4.359.291.703</b>

(\*) Lỗ do bán chứng khoán còn tồn sau khi Công ty rút nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****3. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.492.851.121	1.518.070.409
Chi phí vật liệu quản lý	34.486.316	48.427.345
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	7.443.977	12.437.085
Chi phí khấu hao TSCĐ	147.878.586	183.089.048
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả	(171.600.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	656.072.111	744.536.436
Chi phí khác bằng tiền	261.075.080	344.614.476
<b>Cộng</b>	<b>2.431.207.191</b>	<b>2.854.174.799</b>

**4. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán (1)	(1.406.446.302)	(1.572.736.542)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	6.000	138.330.000
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) - (3)	(1.406.452.302)	(1.434.406.542)
Thu nhập tính thuế (5)	-	-
Khoản lỗ được chuyển sang năm sau (6)	1.406.452.302	1.434.406.542
Thuế suất (7)	25%	25%
Thuế TNDN hiện hành (8) = (5) * (7)	-	-
Thuế TNDN hoãn lại (9) = (6) * (7)	-	358.601.636

*Thuế thu nhập hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ các khoản lỗ tính thuế chuyển sang các năm sau chưa được ghi nhận vì không có các đảm bảo chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các khoản lỗ tính thuế.*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****5. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	(1.406.446.302)	(1.214.134.906)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (3) = (1) + (2)	(1.406.446.302)	(1.214.134.906)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	5.861.940	5.861.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5) = (3)/(4)	(240)	(207)

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**2. SỐ LIỆU SO SÁNH****a. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán. Một số số liệu so sánh được trình bày lại cho phù hợp với số liệu cuối kỳ.

94-C.T  
CÔNG TY  
HỮU HẠN  
TỰ VẤN  
KẾ TOÁN  
VIỆT  
HỒ CHÍ

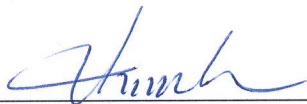


**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b. Những thay đổi do trình bày lại**

Khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày 01/01/2013 sau trình bày lại	Số dư tại ngày 01/01/2013	Chênh lệch
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(6.994.085.760)	(5.638.161.760)	(1.355.924.000)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(31.500.000)	(1.387.424.000)	1.355.924.000



Vũ Thúy Anh

Kế toán trưởng

Ngày 12 tháng 8 năm 2013



Nguyễn Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

